

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019.

Số: 150/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 697/2018/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn TT ; sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P205, A1, TT Bộ Công An, TX Trung, quận TX, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Xóm LV, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông Lê AT; sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: P205, A1, TT Bộ Công An, TX Trung, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn TT ; sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P205, A1, TT Bộ Công An, TX Trung, quận TX, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Xóm LV, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông Lê AT; sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: P205, A1, TT Bộ Công An, TX Trung, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn TT và ông Lê AT thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: Bà Nguyễn TT và ông Lê AT có 02 con chung là Lê HL (nữ), sinh ngày 17.9.2009 và Lê GL (nữ) sinh ngày 29.9.2014.

Giao bà Nguyễn TT trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê GL (nữ) sinh ngày 29.9.2014.

Giao ông Lê AT trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê HL (nữ), sinh ngày 17.9.2009 .

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà Nguyễn TT và ông Lê AT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn TT và ông Lê AT mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của bà Nguyễn TT được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005640 ngày 28.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn TT được nhận lại 225.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).